TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ - PT.
Ngày 29 tháng 5 năm 2020
"*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các Thẩm phán: Ông Tạ Văn Thành;

Ông Nguyễn Việt Tiến.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số: 12/2020/TLPT - HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình". Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 04/2020/HNGĐ - ST ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2020/QĐXX - PT ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Chị Nông Thị M, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Khu 14, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn*:* Anh Phạm Văn H, sinh năm 1979. Nơi ĐKHKTT: Khu 14, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Anh H hiện đang chấp hành án phạt tù tại phân trại số I, trại Giam T, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Anh Phạm Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/12/2019 và trong quá trình tòa án giải quyết chị Nông Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M kết hôn với anh Phạm Văn H ngày 05/12/2016, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống, Anh H phạm tội phải đi chấp hành hình phạt tù tại

trại giam. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Yến N, sinh ngày 26/7/2017. Hiện con chung đang ở với chị, ly hôn chị đề nghị được nuôi con, không yêu cầu Anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai, anh Phạm Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thủ tục kết hôn như Chị M trình bày là đúng, việc kết hôn giữa anh và Chị M là hoàn toàn tự nguyện. Hiện nay anh đang chấp hành hình phạt tù 05 năm về tội "Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy" tại Trại Giam T, xã V huyện H, tỉnh Phú Thọ. Quá trình vợ chồng chung sống cùng nhau không có mâu thuẫn gì lớn. Nay Chị M xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn với Chị M do vẫn còn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Phạm Yến N, sinh ngày 26/7/2017. Trong trường hợp ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, giao cho mẹ đẻ của anh là bà Hoàng Thị N, sinh năm 1954, địa chỉ: Khu 14 xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ nuôi dưỡng. Anh đề nghị giải quyết vấn đề cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/HNGĐ - ST ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

- Căn cứ Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị M được ly hôn anh Phạm Văn H.

Về con chung: Xử giao cháu Phạm Yến N, sinh ngày 26/7/2017 cho chị Nông Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ tháng 3/2020 cho đến khi cháu thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M, hai bên có quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

***Kháng cáo**:* Ngày 28/3/2020, anh Phạm Văn H làm đơn kháng cáo với nội dung xin đoàn tụ với chị M. Sau khi nhận được đơn kháng cáo của anh H. Ngày 17/4/2020, Tòa án nhân dân huyện T đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số: 142/TB – TA, ngày 21/4/2020 anh Phạm Văn H đã nhận được thông báo này. Ngày 22/4/2020, Anh H làm đơn đề nghị miễn án phí và gửi đến TAND huyện T ngày 06/5/2020.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, đại diện VKS đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/HNGĐ - ST ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của VKSND tỉnh; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Anh Phạm Văn H kháng cáo trong hạn luật định, việc kháng cáo là phù hợp với quy định của pháp luật. Phía Anh H chưa nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nhưng việc chưa nộp được có lý do khách quan. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Chị Nông Thị M và anh Phạm Văn H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Chị M và Anh H là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị M và anh Phạm Văn H kết hôn với nhau năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ, khi kết hôn có đủ điều kiện kết hôn đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống theo Chị M thì vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian ngắn sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống, Anh H phạm tội phải đi chấp hành hình phạt tù tại trại giam. Do vậy, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị được ly hôn với anh H. Phía Anh H cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn và vì con chung nên anh xin được đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh H hiện đang chấp hành hình phạt 05 tù về tội "Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy" tại trại Giam T, vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài; Anh H xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Mặt khác, tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 quy định về nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau " *Vợ chồng có nghĩa vụ*

thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác". Việc Anh H đang bị tạm giam nên Anh H không thể hoàn thành nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình với vợ anh là Chị M được. Từ những phân tích trên, hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa Chị M và Anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án cấp sơ thẩm xử cho Chị M được ly hôn với Anh H là hoàn toàn có căn cứ.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Chị Nông Thị M và anh Phạm Văn H có 01 con chung là Phạm Yến N, sinh ngày 26/7/2017. Hiện nay cháu đang ở với chị M, Chị M và Anh H đều có nguyện vọng được nuôi con chung, phía Anh H đề nghị giao con cho mẹ đẻ anh nuôi dưỡng hộ vì anh đang phải chấp hành án phạt tù. Xét thấy, nuôi con chung là trách nhiệm của bố và mẹ, cháu Nhi hiện nay còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi, Chị M có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng và có đầy đủ điều kiện nuôi con. Phía Anh H hiện nay đang chấp hành án không có đủ điều kiện vật chất và thời gian chăm sóc con chung. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu Phạm Yến N cho Chị M trực tiếp nuôi dưỡng là đúng pháp luật. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì Chị M không yêu cầu.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức của vợ chồng: Chị Nông Thị M và anh Phạm Văn H đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp.

Từ những căn cứ trên, kháng cáo của anh Phạm Văn H không có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 04/2020/HNGĐ - ST ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Anh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 04/2020/HNGĐ - ST ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Căn cứ Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 148; Khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27; khoản 1 điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị M được ly hôn anh Phạm Văn H.

Về con chung: Xử giao cháu Phạm Yến N, sinh ngày 26/7/2017 cho chị Nông Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 3/2020 cho đến khi cháu thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M. Vì Chị M tự nguyện không yêu cầu; Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nông Thị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số: AA/2017/0001636 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Phạm Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- *VKSND tỉnh Phú Thọ;*
- *Chi cục THADS huyện T;*
- *TAND huyện T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS, VP.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hà Giang